

TỬ A-HÀM-MỘ SAO GIẢI

THỨ SÁU

(Phần ba của Pháp độ thứ hai: Ác)

Hỏi: Đã nói về Ái, thế nào là Vô minh?

Đáp: Vô minh là vô trí, tà trí và nghi trí. Kinh nói: Vô trí, tà trí, nghi ngờ trí đó là ba trí vô minh. Do miệng hiển bày thế nào, thì hiểu văn tự cũng vậy. Như miệng ác (xấu) tức là không có miệng. Lại Vô trí ví như nói Ác tử (con ác) tức là Phi tử (không có con), hoặc như Ác bằng (bạn ác) tức là Phi bằng (không phải bạn). Như vậy, Vô trí cũng tức là Phi trí. Đây nói vô trí tức là không biết hữu vi, không biết vô vi, không biết cái “bất khả thuyết”. Đó gọi là vô trí.

Hỏi: Hữu vi có hai: Nội, thọ, ngoại thọ, quyết định thọ nào?

Đáp: Nội thọ, ngoại thọ, và cả hai thọ này trọng hữu vi đều vô trí. Kinh gọi là ngu si đối với nội thọ, ngoại thọ và cả hai thọ trọng hữu vi. Nội thọ là thọ, Ám, Giới, Xứ, mỗi mỗi có hai hành là mình thọ và người khác thọ, Ngoại thọ là cỏ cây tường vách. Ngu si tạp loạn nội, ngoại thọ đó là vô trí. Đức Thế Tôn cũng nói sáu Nhập xứ, vô trí không thể thấy biết. Tu đôi lộ (Kinh) nói thọ tức nghĩa nội thọ, là nghĩa hành kiết sử nhân duyên ngu tình, chấp ngã sở gọi là nội thọ.

Hỏi: Thế nào vô vi với Niết-bàn là một nghĩa, không nghĩa nào khác, sao nói có ba?

Đáp: Vô vi là hữu dư, vô dư và cả hai (tính là ba). Cho dù Niết-bàn Vô vi là một, nhưng dựa vào hành mà nói có hai. Đây chấp nhận Hữu dư là do hành kết được thọ làm nghĩa, thân ấy là hữu dư. Khi tất cả kiết diệt trừ, thân tác chứng đã tận trừ hết phiền não thì gọi là hữu dư. Khi thọ ấm này đã bỏ, không còn thọ lại thân nữa, như đèn đã lịm tắt, gọi là Vô dư. Đây ngu si mê hoặc hữu dư, vô dư và cả hai gọi là vô trí ở vô dư.

Hỏi: Thế nào là không biết “bất khả thuyết”?

Đáp: Cái “bất khả thuyết” (không thể nói) là sự chỉ dạy về thọ, sự chỉ dạy về phương tiện, sự chỉ dạy về diệt.

Nghĩa là ngu si đối với Thọ, phương tiện và diệt; gọi là vô trí đối với pháp “Bất khả thuyết”. Chỉ dạy về thọ là chúng sinh hiện tại đã thọ nhận Ấm, giới, nhập tức là nội mạng pháp thọ, do hành kết sử; không là nội mạng pháp thọ của quá khứ vị lai. Chỉ dạy thọ này không phải một, không phải ngàn mà được hợp lại thành mạng thành thân. Nếu là một thì không thường là khổ; nếu là khác thì thương là khổ. Nếu chấp thường thì không hành phạm hạnh; nếu chấp không thường (đoạn) thì không cần quả phạm hạnh, nhận cho đều vô nghĩa. Vô thường là nghĩa chấp không, trong phương tiện khắp cả đều đoạn, không có pháp khổ, pháp lành. Chỉ dạy về phương tiện là chỉ dạy về hành phương tiện tương ưng ba thời: quá khứ, vị lai, hiện tại. Như nói: Ta thời đó là Vua Cù Hiệt (Cù-hiệt là âm Phạm, có mười tên; Dê, Mất, Đất, Trời, Lửa, Nói, Phương, Kim-cang, Ánh sáng, Tên bắn. Có mười tên như vậy, mà người đó không biết mười tên ấy là gì). Vị lai sẽ có tên gọi là Vô Thắng. Hiện tại chính là Công sư thông suốt về chú thuật. Các thương nhân là chưa thọ hoặc đã thọ. Vì Tục số nên chỉ dạy phương tiện để phá chấp Thường chấp Đoạn. Nếu đúng là Cù-hiệt diệt mất, sao nói “Ta là Cù-hiệt”. Nếu Cù-hiệt không diệt sao nói” thời ấy Ta là Cù-hiệt. Dùng nghĩa thế tục, để chỉ dạy phương tiện này.

Hỏi: Thế nào là chỉ dạy Diệt?

Đáp: Thọ hết, không thọ nữa, chấm dứt không còn, gọi là chỉ dạy về Diệt. (Kinh nói: Thọ như đã nói ở trên). Đời sống kia đã hết, không thọ, không bị xâm hại nữa, việc của mình và người đã chấm dứt không còn sót, đã vượt qua bờ này đến bờ kia đó gọi là chỉ dạy về Diệt. Việc trừ chấp Đoạn, Thường chuyển biến hoàn diệt, như vậy mỗi mỗi ngăn chặn. Như dùng thọ làm gốc mà chỉ dạy về Bất Niết-bàn (Diệt), cũng là pháp “bất khả thuyết”. Nếu khác đây là không bất Niết-bàn, hoặc không khác đây là không bất Niết-bàn, thì như vậy thấy sinh khổ rồi không nói, không nói rồi lẽ ra bất Niết-bàn, như đèn tắt, và mỗi mỗi nội thọ hoặc không chỉ dạy về thọ. Chỉ dạy phương tiện là dựa vào Ấm giới xứ quá khứ làm gốc mà nói. Như nói “Ta thuở ấy là Vua tên Cù-hiệt”. Cứ như vậy, cho đến đời vị lai... còn chỉ dạy Diệt là lấy Thọ làm chính mà nói. Như nói “Đức Thế Tôn bất Niết-bàn. Như chỉ dạy phương tiện là phá chấp mạng này đoạn tuyệt chỉ dạy về Diệt là phá chấp mạng này thường còn. Chỉ dạy về thọ là phá chấp mạng này là có là không. Vô trí không thể hiểu những pháp “bất khả thuyết” này. Đã nói xong Vô trí.

Hỏi: Thế nào là Tà trí?

Đáp: Là kiến chấp về thân mình thọ nhận, kiến chấp về nội thọ,

kiến chấp về thọ nhận kiến giải mô phỏng (bất chước). Ba thứ chấp này gọi là Tà trí. Chữ tà là nghĩa trái nghịch, không phải bậc Hiền Thánh, cũng đồng nghĩa với Xiểm nịch. Kiến chấp về thân mình là chấp Nhập ấy là tôi, Nhập là của Ngã, Nhập là của Tự tại tương ứng. Nhập ấy là tôi, tức chấp mọi huyễn hóa, thành trì, đồng ruộng, ngựa tiếng vang, hình bóng trong gương, những chỗ tương tự,... chấp có những thứ ấy là Nhập của tôi. Chấp Nhập là của Ngã, tức chấp những vật dụng mượn trang sức, cây, quả, tương tự người thân, năm ấm... chấp có những thứ ấy là của Ngã (Ngã sở). Chấp Nhập là của Tự tại tương ứng là chấp mọi pháp hoại, cây chuối, hình vẽ, bọt trên nước, vật dụng không thành thực, cảnh giới tương tự xương cốt trắng; ta giàu có, như sắc ở hư không... Mọi thứ đều do Tự tại sai khiến làm chủ. Đây cũng là kiến chấp về Ngã về thân về Ngã là thân mình mà chấp bám vào.

Hỏi: Thế nào là kiến chấp về Nội thọ?

Đáp: Là tư duy chấp Nội thọ là đoạn là thường là cả đoạn cả thường (câu). (Kinh nói: Tư duy về đoạn, tư duy về thường, và tư duy cả hai đoạn, thường). Nội thọ gọi là thọ vô phương tiện là chấp không có phương tiện nghĩa (không hợp lý). Kiến chấp bên ngoài thấy đoạn thì chấp thế gian là vô thường. Kiến chấp bên ngoài là có thì chấp thế gian không là vô thường. Kiến chấp mạng này là bên ngoài không phải có, không phải không có, hoặc bên ngoài chấp mạng này, thân này là không có, chẳng phải có, chẳng phải không có. Tư duy chấp cả hai là chấp thường bên ngoài là có, chấp đoạn bên ngoài là không có, chấp bên ngoài là chẳng không chẳng có. Những kiến chấp này gọi là kiến chấp Nội thọ (Biên kiến).

Hỏi: Thế nào là kiến chấp thọ nhận mô phỏng?

Đáp: Là kiến chấp về Giới mô phỏng, kiến giải mô phỏng và chỗ nương tựa của Giới Kén. (Kinh nói: Kiến chấp tiếp nhận mô phỏng là ba sự. Do hai thứ Giới, Kiến sin ra Y (nương tựa). Giới trong pháp độ đầu đó là giới tịnh; còn đây nói giới đó là hai kiến chấp thọ giới mô phỏng, và thọ kiến giới mô phỏng. Cho rằng giới, kiến này là chân thật, ngoài ra đều là ngu si. Đó gọi là chấp trước vào cho là chân thật, trói buộc thân cũng nói là chân thật. Y là chỗ nương tựa của giới và kiến, đại khái là chấp thân năm ấm, hoặc giới, hoặc kiến, hoặc hành ấm đều tịnh. Đây gọi là thọ giới mô phỏng biết ấm này là tốt đẹp, ngoài ra đều không tốt đẹp. Tương tự, dựa vào Kiến giải mô phỏng cũng vậy.

Hỏi: Thế nào là Nghi trí?

Đáp: Là nghi ngờ về thứ quý báu về Đế và Chánh thọ. (Kinh nói:

Nghi ngờ pháp quý báu, nghi ngờ pháp Đế và nghi ngờ pháp Chánh thọ (định). Không thể duy trì, mê hoặc do dự là nghi ngờ.

Hỏi: Thế nào là pháp quý báu?

Đáp: Là Phật, Pháp và Chúng (Tăng).

Kinh nói: Phật, Pháp, Tăng chúng là châu báu. Như trước đã nói, Phật, là bậc Nhất thiết trí, đầy đủ hết thảy công đức, bỏ hết thảy ác, giải thoát.

Hỏi: Do đâu gọi là quý báu?

Đáp: Ba công đức trên là Phật bảo. Vì lòng thương chúng sinh, ngài nói pháp không dối, không đặt điều kiện nào để làm thiện tri thức. Phật ra đời là khó gặp, pháp Ngài nói là không thể nghĩ bàn, không thể so sánh. Đầy đủ công đức như vậy, mới thành Phật. Pháp quý báu ngài giảng nói là phương tiện, là phương tiện trao truyền quả Niết-bàn. Do vậy, nên hết thảy pháp của Thế Tôn là tối thượng. Nó là con đường tốt nhất để chấm dứt mọi pháp hữu vi, vô vi ấy. Kinh nói: Nó thật quý báu, vì không phải được làm ra. Nó làm tắt hết thảy khổ, đưa đến chỗ cuối cùng của mát mẻ. Nó khó thực hiện, khó hư hoại, không thể nói hết. Đầy đủ những công đức như thế, mới thành là Pháp quý báu. Về nghĩa của Tăng, đã nói rồi. Cho đến Thanh văn, hết thảy Tăng đều là quý báu, cúng thí họ thì được phước báo rộng lớn, vì họ ứng dụng lời Thế Tôn dạy, mà Thế Tôn là vô thượng phước điền. Họ được Đức Thế Tôn khen ngợi, không ai có thể phá hoại, không tranh giành trái nghịch. Bởi có công đức như vậy, mới thành Tăng quý báu. Nghi ngờ những thứ quý báu ấy gọi là Nghi trí.

Hỏi : Thế nào là nghi ngờ về Đế (sự thật)?

Đáp: Là nghi ngờ về Tục số đế, Tướng đế và Đệ nhất nghĩa đế (Kinh nói: Nghi ngờ trong tục số đế, Tướng đế và Đệ nhất nghĩa đế, gọi là Nghi trí) (trong đây nói nghi tức không có giải thoát, không có chánh thọ).

Nghi ngờ về Chaanh thọ là nghi ngờ về bốn giải thoát, hai quán xứ (quán đất, nước; bốn quán định cõi Sắc, bốn quán định cõi ô sắc) hai trực, vô lậu, năm tướng trước (chấp giữ năm loại trước của mười định hữu lậu), giải thoát thứ hai, giải thoát thứ tám. Biết cảnh giới này là Chánh thọ, mà cho rằng trì đây không có công đức. Nghi ngờ ấy là khổ khổ (khổ chồng chất khổ mà không biết), như vậy, đối với Tập, Tận, Đạo đế đều nghi ngờ điên đảo, phối với cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc thành mười hai hành điên đảo.

Giống như Nghi trí, trong nghĩa Ái nói Tà kiến cũng thế. Tức Tà

kiến có nghĩa vô trí, tà trí nhưng nói theo khổ hành (ác hành) riêng biệt; còn kiến chấp về kiến giải mô phỏng, về thân mình về nội thọ là Kiến khổ đoạn. Lại ác cũng thuộc Tư duy đoạn, như thế mà phân biệt trong ba cõi thành chín mươi tám kết sử.

(Đã nói xong phần thứ ba trong Pháp độ thứ hai: Ác).

